

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ TỈNH AN TÂY

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /BC-UBND

Tỉnh An Tây, ngày tháng 5 năm 2025

BÁO CÁO
TÌNH HÌNH SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP
VỤ ĐÔNG XUÂN 2024 – 2025

Chỉ tiêu báo cáo	ĐVT	Đông xuân 2023-2024		Đông xuân 2024-2025		% So sánh thực hiện tăng, giảm ĐX 2025/2024
		Kế hoạch	Thực hiện	Kế hoạch	Ước thực hiện	
A	B	1	2	3	4	5=4/2*100
I. TRỒNG TRỌT	Ha					
1- Cây lương thực	Ha					
a- Diện tích Lúa	Ha					
+ Diện tích	Ha	113,3	113,3	113,3	113,3	100%
+ Năng suất	Tạ/ha	65	72	65	70	97,22%
+ Sản lượng	Tấn	736,4	815,76	736,4	793,1	97,23%
b- Diện tích Ngô	Ha					
- Diện tích	Ha	18	18	18	18	100%
- Năng suất	Tạ/ha	62	62	61	61	98,3%
- Sản lượng	Tấn	111,6	111,6	109,8	109,8	98,3%
2- DT cây chất bột có củ	Ha					
a- DT khoai lang	Ha					
- Diện tích	Ha					
- Năng suất	Tạ/ha					
- Sản lượng	Tấn					
b- DT Mì (sắn)	Ha					
- Diện tích	Ha	79	79	79	79	100%
- Năng suất	Tạ/ha					
- Sản lượng	Tấn					
3- Rau các loại :	Ha					
- Diện tích	Ha	4	4	4	4	100%
- Năng suất	Tạ/ha	182,5	182,5	182,5	182,5	100%
- Sản lượng	Tấn	73	73	73	73	100%
4- Đậu các loại: (Đậu đen, đậu đỏ, đậu gạo, đậu xanh....)	Ha					

Chỉ tiêu báo cáo	ĐVT	Đông xuân 2023-2024		Đông xuân 2024-2025		% So sánh thực
- Diện tích	Ha	3	3	3	4	133%
- Năng suất	Tạ/ha	20	20	20	20	100%
- Sản lượng	Tấn	6	6	6	8	133%
Trong đó: Đậu xanh	Ha					
- Diện tích	Ha					
- Năng suất	Tạ/ha					
- Sản lượng	Tấn					
5- DT Lạc	Ha					
- Diện tích	Ha	21	18	18	18	100%
- Năng suất	Tạ/ha	21	21	21	21	100%
- Sản lượng	Tấn	42	37,8	37,8	37,8	100%
9- Cây làm thức ăn gia súc (Lang lấy dây, cỏ các loại. . .)	Ha	25	30	25	25	83,3%
Trong đó: - Khoai lang lấy dây	Ha					
- Cỏ các loại	Ha					
10- DT Các loại cây trồng hàng năm khác (Sả, cây làm thuốc, Hoa cây cảnh...)	Ha					
- Diện tích hoa, cây cảnh	Ha	0,5	0,5	0,5	0,5	100%
- Diện tích cây sả	Ha					
- Diện tích cây trồng khác	Ha	75	75	74,5	75	100%
II- Chăn nuôi						
1- Tổng đàn bò	Con	1.100	1.143	1.100	1.192	104,2%
Trong đó: - Bò lai	Con					
2- Tổng đàn trâu	Con	50	53	100	15	28,3%
3- Tổng đàn lợn	Con	2.500	1.600	2.500	1.487	92,93%
Trong đó: Lợn nái	Con					
4- Tổng đàn dê	Con					
5- Tổng đàn gia cầm	Con	30.000	16.400	30.000	19.912	121%
Trong đó: Gà	Con	25.000	11.400	25.000	14.912	130,8%

Nơi nhận:
 -Đội Thống kê số 8;
 -Lưu: VT.

KT. CHỦ TỊCH
 PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Tấn Tiền

